

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2024/HS-PT

Ngày: 06-9-2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chung.

Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Quyết Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 154/2024/TLPT-HS ngày 30 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo Nguyễn Hữu N, Trần Văn D, Phạm Ngọc H, Đỗ Tân P, Trần Đình N1, Nguyễn Văn H1 về tội “*Cướp tài sản*”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2024/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’Gar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn D**; Sinh năm 1992; tại tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Buôn K, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Là Đảng viên Đ1 sinh hoạt tại Chi bộ Buôn K, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Con ông Trần Quốc H2, sinh năm 1966 và bà Phạm Thị B, sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án: Không;

Tiền sự: 01, Ngày 27/12/2022 bị Công an huyện C ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC với mức phạt tiền là 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép; ngày 09/01/2023 Trần Văn D đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/8/2023 đến ngày 19/8/2023 và bị bắt tạm giam từ ngày 15/02/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Hữu N**; Sinh năm 2002; tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Buôn K, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Sửa chữa ô tô; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

con ông Nguyễn Khắc H3, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/8/2023 đến ngày 19/8/2023 và bị bắt tạm giam từ ngày 15/02/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Đỗ Tân P**; Tên gọi khác: Đỗ Tấn P1; Sinh năm 1994; tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Tân D1, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1966; bị cáo có vợ là Lê Thị Thu T1, sinh năm 1999 và 01 con sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại bản án số 92/2015/HSST ngày 24/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng về tội “Cưỡng đoạt tài sản” bị cáo đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/8/2023 đến ngày 19/8/2023 và bị bắt tạm giam từ ngày 15/02/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Phạm Ngọc H**; Sinh năm 1996; tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Buôn K, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân T2, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; bị cáo có vợ là Văn Thị Tuyết M (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2017. Tiền án: Không. Tiền sự: 01, Ngày 27/12/2022 bị Công an huyện C ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC với mức phạt tiền là 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép; ngày 09/01/2023 Phạm Ngọc H đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/8/2023 đến ngày 19/8/2023 và bị bắt tạm giam từ ngày 15/02/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Trần Đình N1**; Sinh năm 2002; tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình Đ, sinh năm 1971 và bà Lê Thị T3, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/8/2023 đến ngày 19/8/2023 và bị bắt tạm giam từ ngày 15/02/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, vắng mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Nguyễn Văn H1**; Sinh năm 1985; tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Buôn K, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P2, sinh năm 1961 và bà Phạm Thị G, sinh năm 1961; bị cáo có vợ là Phạm Thị B1, sinh năm 1994 và 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/8/2023 đến ngày 19/8/2023 và bị bắt tạm giam từ ngày 15/02/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, Vắng mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho các bị cáo Trần Văn D, Phạm Ngọc H: Ông La Văn T4, Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.*

Địa chỉ: A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

** Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hữu N, Đỗ Tân P: Luật sư Tô Tiên D2, Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ. Có mặt.*

Địa chỉ: A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

** Bị hại:*

1. Anh Y P Byă, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn P, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Y D Êban, sinh năm 2003. Vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn P, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Đoàn Văn T5, sinh năm 2002. Vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn P, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 06/8/2023, Trần Văn D, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn H1, Trần Đình N1 ngồi uống cà phê tại quán C thuộc buôn C, xã C, huyện C; trong lúc trò chuyện thì cả nhóm trao đổi với nhau về việc thời gian qua có một nhóm thanh niên người đồng bào dân tộc Ê đê thường tụ tập đông người đua xe, rú ga gây ồn ào, mất an ninh trật tự khu dân cư. Nguyễn Hữu N khởi xướng việc cả nhóm bàn nhau tìm nhóm thanh niên kia đánh dần mặt, răn đe không được đua xe, rú ga gây ồn ào thì tất cả đều đồng ý. Một lúc sau, Phạm Ngọc H cũng đến quán cà phê Thiên P3 uống nước cùng Trần Văn D, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn H1, Trần Đình N1 thì được cả nhóm rủ đi chặn đánh nhóm thanh niên tụ tập đua xe trái phép thì H đồng ý. Trần Đình N1 gọi điện thoại rủ Đỗ Tân P đi tìm đánh nhóm thanh niên tụ tập đua xe thì P đồng ý. Sau đó, D, H1, Đình N1, H đi đến quán C1 thôn A, xã E, huyện C để uống nước, Nguyễn Hữu N điều khiển xe mô tô chở P đến quán B3. Khi cả nhóm có mặt đông đủ, D điều khiển xe ô tô biển số 47A-128.08 chở Hữu N, Đ, H1, H, P đi về hướng đường tránh thị xã B, tỉnh Đắk Lắk để tìm nhóm người đua xe, khi đi Nguyễn Văn H1 cầm theo 01 bình xịt hơi cay loại giống bình BX4. Khi chạy qua cầu E thuộc địa phận xã E, cả nhóm của D thấy có một nhóm thanh niên đông người với nhiều xe mô tô tập trung 02 bên lề đường. Lúc này, H nói đi lên trạm củi cách khoảng 01km nhặt cây củi về đánh nhóm người trên thì cả nhóm đồng ý nên D điều khiển xe ô tô đi tiếp 01km đến tại một điểm thu mua củi vườn phía bên phải đường. Khi đến trạm thu mua củi H và H1 xuống xe nhặt 04 khúc cây củi gỗ kích

thước khoảng (04x70) cm rồi mang lên xe. Sau đó, D điều khiển xe ô tô quay lại chỗ nhóm người kia thì thấy có 05 người cùng 05 xe mô tô đậu bên lề đường bên trái theo hướng đi của xe ô tô, phía bên phải thì có đông người và xe. Khi vừa tới thì D điều khiển xe ô tô đi sang bên trái đường đến cách khoảng 05m để chặn đầu xe của 05 người đậu bên trái đường trong đó có các anh Y D Êban điều khiển xe mô tô biển số 47H1-301.69, anh Y P Byă điều khiển xe mô tô biển số 47H1-691.35, anh Đoàn Văn T5 điều khiển xe mô tô biển số 47L8-5489 và 02 người khác (chưa rõ nhân thân lai lịch). Lúc này, D, Trần Đình N1, H1, P, H xuống xe ô tô, còn Nguyễn Hữu N ngồi lại trên xe ô tô. D xuống xe đứng cạnh xe ô tô, còn H, H1, Trần Đình N1, P mỗi người cầm 01 khúc cây củi gỗ, riêng H1 cầm thêm bình xịt hơi cay. H1 lấy bình xịt hơi cay ra xịt một cái và hô lên “*đứng lại, ai cho tụi mày đua xe*” rồi cùng Trần Đình N1, P, H dùng cây củi gỗ đuổi đánh nhóm người trên làm nhóm người xung quanh bỏ chạy chỉ còn lại các anh Y D Êban, Y P Byă. Anh Y D Êban, Y P Byă bị nhóm của Trần Văn D xông vào dùng gậy gỗ đánh nhiều cái. Sau đó, các anh Y D Êban, Y P Byă, Đoàn Văn T5 bỏ chạy và để lại 03 xe mô tô gồm xe 47H1-301.69, 47H1-691.35, 47L8-5489, cả 03 xe đều có chìa khóa cắm sẵn. Sau khi đuổi đánh nhóm người trên được khoảng 30m về nhiều hướng khác nhau và thấy không còn ai ở lại nữa thì Trần Đình N1, H1, H, P quay lại chỗ D đang đứng gần xe ô tô, Nguyễn Hữu N cũng xuống xe ô tô. Lúc này, D nảy sinh ý định mang 03 chiếc xe mô tô trên về cất giấu để đợi chủ xe đến rồi cho chuộc lại xe mô tô nhằm lấy tiền chia nhau tiêu xài, Trần Văn D nói cho Trần Đình N1, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn H1, Phạm Ngọc H, Đỗ Tân P nghe và tất cả đều đồng ý.

Sau khi đã thống nhất việc chiếm đoạt xe mô tô của Y D Êban, Y P Byă và Đoàn Văn T5 thì Nguyễn Văn H1 điều khiển xe mô tô 47H1-301.69, Nguyễn Hữu N điều khiển xe mô tô 47H1-691.35, Đỗ Tân P điều khiển xe mô tô 47L8-5489 chạy về xã C, huyện C; còn Trần Văn D điều khiển xe ô tô chở Phạm Ngọc H, Trần Đình N1 đi theo sau. Sau đó, Đỗ Tân P và Nguyễn Văn H1 điều khiển xe mô tô 47H1-301.69, 47L8-5489 về nhà của bà Phạm Thị B (mẹ ruột của Trần Văn D) để cất giấu, còn xe mô tô 47H1-691.35 thì Nguyễn Hữu N điều khiển đến khu vực có nhiều bụi cây dại gần trường Trung học phổ thông N2 thuộc xã C để cất giấu. Sau khi cất giấu 03 chiếc xe mô tô thì D, Trần Đình N1, Nguyễn Hữu N, H1, P, H đi ăn tối tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong lúc ngồi ăn tối, cả nhóm nói chuyện và thống nhất với nhau là số tiền chuộc mỗi xe mô tô mà nhóm Trần Văn D chiếm đoạt được là 4.000.000 đồng, thì tất cả đều đồng ý. Sau khi ăn tối xong, nhóm của Trần Văn D về lại nhà của mình.

Sáng ngày 07/8/2023, anh Y Trương K cho anh Y P4 Byă số điện thoại của Trần Đình N1 để anh Y P4 liên lạc. Khoảng 13 giờ ngày 07/8/2023, anh Y P4 gọi điện thoại cho Trần Đình N1 để tìm lại xe mô tô 47H1-691.35, Trần Đình N1 đồng ý cho anh Y P4 chuộc lại xe và nói là “*đem 4.000.000 đồng lên xã C để chuộc xe*”. Trần Đình N1 gọi điện thoại cho Trần Văn D trao đổi việc cho anh Y P4 Byă chuộc xe mô tô 47H1-691.35 và được D đồng ý. Sau đó, Trần Đình N1 đưa số điện thoại của D cho anh Y P4, anh Y P4 gọi điện thoại cho D xin chuộc xe thì D đồng ý và hẹn anh Y P4 lên ngã ba xã C D gọi điện thoại cho Nguyễn Hữu N và nói N đưa xe mô

tô 47H1-691.35 ra nhà văn hóa buôn K1 thuộc buôn K, xã C để cho anh Y P4 chuộc xe và nói N lên ngã ba buôn K đón người chuộc xe thì N đồng ý. Sau đó, N đưa chiếc xe mô tô 47H1-691.35 ra chỗ nhà văn hóa buôn K1 rồi N điều khiển xe mô tô biển số 47H1-601.10 của bà Nguyễn Thị T (mẹ ruột của N) đi đến ngã ba buôn K để đón anh Y P4 và bố của anh Y P4 là ông Y Klô A. N cho anh Y P4 chuộc lại xe mô tô 47H1-691.35 với số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong thì N đi đến quán C2 gặp Trần Văn D và Phạm Ngọc H, N đưa số tiền 4.000.000 đồng chuộc xe trên cho Trần Văn D để cất giữ. Ngày 09/8/2023, anh Y P4 Báo trình báo sự việc trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐGTS ngày 10/8/2023 của Hội đồng định giá huyện C kết luận: 01 xe mô tô biển số 47H1-301.69, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, số khung RLCE55P1OEY469077, số máy 55P1469090, trị giá 9.000.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 47H1-691.35, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, số máy G3M5E076445, số khung RLCUG1210MY046234 trị giá 17.000.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 47L8-5489, màu sơn Nâu, số khung RRKDCG0TT6XJ00461, xe đăng ký lần đầu năm 2006, trị giá 1.000.000 đồng. Tổng trị giá các tài sản trên là 27.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐGTS ngày 03/10/2023 của Hội đồng định giá huyện Cư M'gar kết luận: 01 xe ô tô biển số 47A-128.08, nhãn hiệu TOYOTA, số loại INNOVA, số máy 1TR881715, số khung RL4XW42G3F9419190, màu sơn Vàng – Đồng có trị giá còn lại là 120.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 506/KLTTCT-PY ngày 06/10/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Y P Báo tại thời điểm giám định là 0%; Vật tác động và cơ chế hình thành thương tích: Không đủ cơ sở, dữ liệu để đánh giá vật tác động và cơ chế hình thành thương tích.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 505/KLTTCT-PY ngày 06/10/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Y D Êban tại thời điểm giám định là 0%; Vật tác động: Vật tày, cứng; Cơ chế hình thành thương tích: Chấn thương phần mềm vùng đầu; Xây xát vai phải là do tác động trực tiếp của vật tày, cứng.

Tại Kết luận giám định số 1351/KL-KTHS ngày 09/11/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Dấu vân tay trong Chỉ bản số 172, họ tên ĐỖ TÂN P5, sinh ngày 01/12/1994, nơi thường trú tổ B, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nơi tạm trú xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nơi ở hiện nay thôn Đ, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; lập ngày 25/8/2023, tại Công an huyện C; cùng với D3 vân tay trong bản sao tài liệu lưu trữ số 89, ngày 31/10/2023 của Phòng Hồ sơ nghiệp vụ, Công an tỉnh Đ, D4 chỉ bản số 128; họ tên ĐỖ TÂN P6, sinh năm 1994, nơi đăng ký thường trú thôn Đ, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, lập ngày 25/8/2015 tại Công an huyện C là của cùng một người.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2024/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo **Trần Văn D**, **Nguyễn Hữu N**, **Đỗ Tân P**, **Phạm Ngọc H**, **Trần Đình N1** và **Nguyễn Văn H1** phạm tội Cướp tài sản.

**** Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự:***

- Xử phạt bị cáo **Trần Văn D** 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/02/2024, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/8/2023 đến ngày 19/8/2023.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu N** 05 (Năm) năm 03 (Ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/02/2024, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/8/2023 đến ngày 19/8/2023.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc H** 05 (Năm) năm 03 (Ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/02/2024, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/8/2023 đến ngày 19/8/2023.

- Xử phạt bị cáo **Đỗ Tân P** 05 (Năm) năm 03 (Ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/02/2024, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/8/2023 đến ngày 19/8/2023.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H1** 05 (Năm) năm 03 (Ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/02/2024, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/8/2023 đến ngày 19/8/2023.

**** Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, u, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự:***

- Xử phạt bị cáo **Trần Đình N1** 05 (Năm) tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/02/2024, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/8/2023 đến ngày 19/8/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo và các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/6/2024 bị cáo **Trần Văn D**, **Đỗ Tân P**, **Nguyễn Hữu N** và ngày 23/6/2024 bị cáo **Phạm Ngọc H** có đơn kháng cáo cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong vụ án còn có bị cáo **Trần Đình N1**, **Nguyễn Văn H1** có đơn kháng cáo nhưng đã có đơn rút toàn bộ kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo **Trần Đình N1**, **Nguyễn Văn H1**.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử bị cáo về tội: “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là nhẹ so với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Trong vụ án còn có bị cáo Trần Đình N1, Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo nhưng đã có đơn rút toàn bộ kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Đình N1, Nguyễn Văn H1 là đúng pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

** Người bào chữa cho các bị cáo Trần Văn D, Phạm Ngọc H Luật sư La Văn T4 trình bày:* Qua phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng:

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, d Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử các bị cáo về tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 BLHS mới đảm bảo đúng hành vi phạm tội của các bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Y P Byă, Y D Êban và được các bị hại làm đơn bãi nại cho các bị cáo; Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Phạm Ngọc H cung cấp thêm tình tiết mới có ông ngoại là người có công với cách mạng, Trần Văn D cung cấp thêm tình tiết mới có ông nội và ngoại là người có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

** Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hữu N, Đỗ Tân P: Luật sư Tô Tiến D2 trình bày:* Qua phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng:

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo về tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 BLHS mới đảm bảo đúng hành vi phạm tội của các bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Y P Byă, Y D Êban và được các bị hại làm đơn bãi nại cho các bị cáo; bị cáo Đỗ Tân P có ông ngoại là người có công với cách mạng. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận gì, chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 06/8/2023 tại buôn G, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, Trần Văn D, Nguyễn Hữu N, Trần Đình N1, Nguyễn Văn H1, Đỗ Tân P, Phạm Ngọc H đã dùng bình xịt hơi cay và cây gậy gỗ đuổi đánh nhóm Y P Byă để dẫn dắt, răn đe từ bỏ ý định đua xe, rú ga gây ồn ào, mất an ninh trật tự. Sau khi bị đuổi đánh Y P Byă, Y D Êban, Đoàn Văn T5 bỏ chạy và để lại 03 xe mô tô biển số 47H1-301.69, 47H1-691.35, 47L8-5489. Sau đó nhóm Trần Văn D nảy sinh ý định đưa 03 xe mô tô về cất giấu mục đích để Y P Byă, Y D Êban, Đoàn Văn T5 đến chuộc lại, lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ngày 07/8/2023, Y P Byă đến chuộc xe mô tô biển số 47H1-691.35 với số tiền 4.000.000 đồng thì bị phát hiện xử lý.

Xét thấy, ngày 06/8/2023 các bị cáo dùng bình xịt hơi cay và cây gậy gỗ đuổi đánh nhóm Y P Byă để dẫn dắt, răn đe từ bỏ ý định đua xe, rú ga gây ồn ào, mất an ninh trật tự chứ không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của các bị hại trước khi thực hiện hành vi. Sau khi bị đuổi đánh nhóm của người bị hại bỏ chạy để xe lại, khi có tài sản rồi lúc này các bị cáo mới có ý định mang 03 chiếc xe mô tô trên về cất giấu để buộc các chủ xe đến rồi cho chuộc lại xe mô tô nhằm lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. Khi các bị cáo chiếm đoạt là số tiền 4.000.000 đồng của người bị hại đưa để chuộc lại xe thì bị phát hiện, xử lý. Đối với tội “Cướp tài sản” mục đích chiếm đoạt tài sản bao giờ cũng có trước khi thực hiện hành vi hoặc ngay liền cùng hành vi phạm tội, còn mục đích có sau hành vi chiếm được tài sản là cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là không đúng tội danh. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của các bị cáo để sửa bản án sơ thẩm về tội danh đồng thời xem xét mức hình phạt đối với 06 bị cáo trong vụ án đảm bảo đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Trong vụ án, các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc trước, mức độ tham gia của từng bị cáo và nhân thân các bị cáo là khác nhau. Đối với bị cáo Trần Văn D là người trực tiếp điều khiển xe ô tô chở các bị cáo khác đi đuổi đánh nhóm thanh niên tụ tập đua xe, bị cáo là người khởi xướng việc lấy 03 xe mô tô để đòi tiền chuộc của các bị hại, bị cáo có 01 tiền sự về hành vi

đánh bạc nên mức hình phạt bị cáo phải chịu cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo Nguyễn Hữu N là người khởi xướng việc đua đánh nhóm thanh niên tụ tập đua xe. Các bị cáo Nguyễn Văn H1, Đỗ Tân P, Phạm Ngọc H, Trần Đình N1 là người trực tiếp dùng bình xịt hơi cay, gây gỗ đua đánh nhóm của anh Y P Byă. Bị cáo P từng bị xét xử và chấp hành án về tội Cường đoạt tài sản (đã xóa án tích) nhưng bị cáo không tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, bị cáo H đang có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc trái phép. Do vậy, mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo Hữu N, H1, P, H là ngang nhau, thấp hơn bị cáo D và cao hơn bị cáo Trần Đình N1.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Y P Byă, Y D Êban và được các bị hại làm đơn bãi nại cho các bị cáo; bị cáo Trần Đình N1 có ông nội và ông ngoại là người có công với cách mạng; bị cáo Đỗ Tân P có ông ngoại là người có công với cách mạng; trong thời gian điều tra bị cáo Trần Đình N1 đã giúp cơ quan điều tra sớm phát hiện tội phạm. Vì vậy, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm u (đối với bị cáo Trần Đình N1), điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là phù hợp.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong các bị cáo Nguyễn Văn H1, Phạm Ngọc H cung cấp thêm tình tiết mới có ông ngoại là người có công với cách mạng, Trần Văn D cung cấp thêm tình tiết mới có ông nội và ngoại là người có công với cách mạng nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Các bị cáo Trần Đình N1, Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo nhưng đã có đơn rút toàn bộ kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Đình N1, Nguyễn Văn H1. Tuy nhiên do thay đổi về tội danh nhẹ hơn đối với các bị cáo trong cùng một vụ án nên cũng cần xem xét về tội danh và mức hình phạt cho hai bị cáo này trong vụ án.

[3]. Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe ô tô biển số 47A – 128.08, nhãn hiệu TOYOTA, số loại INNOVA, số máy 1TR8817165, số khung RL4XW42G3F9419190, màu sơn Vàng - Đồng, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 47 001142 mang tên Trần Văn D do Công an huyện C cấp ngày 18/01/2023, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đây là phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung công quỹ là không đúng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm d khoản 1 Điều 357 BLTTHS sửa một phần quyết định xử lý vật chứng của bản án sơ thẩm để tuyên trả lại cho chủ sở hữu là ông Trần Văn D cho đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trần Văn D**, **Đỗ Tân P**, **Nguyễn Hữu N** và **Phạm Ngọc H** - Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 31/2024/HS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk về tội danh, hình phạt đối với tất cả các bị cáo trong vụ án và một phần quyết định xử lý vật chứng đối với Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Trần Văn D** 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/02/2024, được khấu trừ thời gian tạm giữ trước từ ngày 10/8/2023 đến ngày 19/8/2023.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu N** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/02/2024, được khấu trừ thời gian tạm giữ trước từ ngày 10/8/2023 đến ngày 19/8/2023.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc H** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/02/2024, được khấu trừ thời gian tạm giữ trước từ ngày 10/8/2023 đến ngày 19/8/2023.

- Xử phạt bị cáo **Đỗ Tân P** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/02/2024, được khấu trừ thời gian tạm giữ trước từ ngày 10/8/2023 đến ngày 19/8/2023.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/02/2024, được khấu trừ thời gian tạm giữ trước từ ngày 10/8/2023 đến ngày 19/8/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, u, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trần Đình N1** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/02/2024, được khấu trừ thời gian tạm giữ trước từ ngày 10/8/2023 đến ngày 19/8/2023.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại chiếc xe ô tô biển số 47A – 128.08, nhãn hiệu TOYOTA, số loại INNOVA, số máy 1TR8817165, số khung RL4XW42G3F9419190, màu sơn Vàng - Đồng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 47 001142 mang tên Trần Văn D do Công an huyện C cấp ngày 18/01/2023 cho chủ sở hữu là ông Trần Văn D.

(Vật chứng có đặc điểm cụ thể như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/4/2024, giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk).

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Công an huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân